

Số: **142/2020/QĐST-HNGĐ**

Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Ngô Vũ Trường G, sinh năm 1990; cư trú tại: phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991; cư trú tại: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Vũ Trường G và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 18 tháng 6 năm 2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh G và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh G và chị T chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh G và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Gia H, sinh ngày 01/01/2015. Sau khi ly hôn, anh G và chị T thống nhất giao cháu Ngô Gia H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm: Anh G và chị T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ngô Vũ Trường G và chị Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Gia H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Vũ Trường G và chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0041710 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- CCTHADS Tp. T;
- UBND. P. T, TP. T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng